

MỘT SỐ QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO LUẬT GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ (SỬA ĐỔI)

PHƯƠNGUYÊN

Luật Giao dịch điện tử 2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2006 (**Luật GDĐT 2005**) được xem là luật khung quy định các vấn đề kỹ thuật, đặc thù phát sinh trên môi trường điện tử. Tuy nhiên trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và sự bùng nổ mạnh mẽ nhu cầu giao dịch điện tử đặc biệt là trong thời kỳ đại dịch Covid-19, Luật GDĐT 2005 đã bộc lộ một số vấn đề, hạn chế nhất định. Nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn về phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo tính đồng bộ với các quy định pháp luật có liên quan, Dự thảo Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi) (**Dự thảo Luật GDĐT**) đang được Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và hiện đang trong quá trình lấy ý kiến người dân. Trong Bản tin pháp luật tháng này, NHQuang&Công sự sẽ điểm qua một số nội dung sửa đổi, bổ sung đáng chú ý của Dự thảo này để Quý Khách hàng có được cái nhìn tổng quan về những quy định của Dự thảo có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Quy định về thông điệp dữ liệu

Nhằm bảo đảm được giá trị pháp lý và độ tin cậy, an toàn của thông điệp dữ liệu, Dự thảo Luật GDĐT đã sửa đổi, bổ sung các nội dung về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu cũng như các quy định liên quan đến gửi, nhận thông điệp dữ liệu, chứng thư điện tử. Cụ thể:

(i) Bổ sung hình thức tạo lập, chuyển đổi thông điệp dữ liệu. Theo đó, thông điệp dữ liệu có thể được tạo lập, tự sinh trong quá trình giao dịch hoặc được số hoá từ bản giấy.

(ii) Phân cấp giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu. Các mức độ tin cậy của thông điệp dữ liệu theo từ thấp đến cao, gồm:

- Cấp 1: Thông điệp dữ liệu không có thông tin về người gửi hoặc tạo và không có khả năng xác minh, chứng thực được tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu;
- Cấp 2: Thông điệp dữ liệu không có thông tin hoặc có nhưng không được chứng thực về người gửi hoặc tạo và tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu được chứng thực thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập như điện thoại,



email;

- Cấp 3: Thông điệp dữ liệu có thông tin được chứng thực về người gửi hoặc tạo và tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu được chứng thực thông qua ít nhất một phương tiện điện tử độc lập như điện thoại, email;
- Cấp 4: Thông điệp dữ liệu có thông tin được chứng thực về người gửi hoặc tạo và tính an toàn của thông điệp dữ liệu được chứng thực bằng phương tiện chứng thực điện tử an toàn cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ chứng thực được cấp phép hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(iii) Bổ sung quy định về chuyển đổi số, theo đó thay thế việc lưu trữ các văn bản, chứng từ, hồ sơ, tài liệu từ bản giấy sang dạng thông điệp dữ liệu.

(iv) Bổ sung quy định về chứng thư điện tử bao gồm khái niệm, giá trị pháp lý cũng như quy định liên quan đến việc sử dụng chứng thư điện tử. Theo đó, chứng thư điện tử được hiểu là thông điệp dữ liệu được phát hành bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mà thông tin trong đó công nhận, chứng nhận tư cách pháp nhân, hành vi hợp pháp hoặc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân, tổ chức hoặc chứng nhận cho một phương tiện, máy móc, thiết bị, sản phẩm dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn nhất định theo quy định pháp luật. Chứng thư điện tử sẽ không bị từ chối giá trị pháp lý, hiệu lực hoặc khả năng sử dụng, thực thi chỉ vì nó ở dạng điện tử. Bên cạnh đó, Dự thảo Luật GDĐT quy định về các điều kiện để đảm bảo tin cậy khi sử dụng, lưu trữ chứng thư điện tử cũng như các điều kiện để chứng thư điện tử có thể thay thế cho giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ bản giấy hoặc trường hợp ngược lại.

Nếu như Luật GDĐT 2005 chỉ mới quy định giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu tạo điều kiện chuyển giao dịch truyền thống sang môi trường môi trường điện tử mà chưa làm rõ quy định thông điệp dữ liệu an toàn thì nay Dự thảo Luật GDĐT đã chi tiết hóa quy định, bảo đảm được tính toàn vẹn, tính chống chối bỏ của thông điệp dữ liệu, bảo đảm được giá trị pháp lý để thực thi, tạo cơ sở để thiết lập giao dịch

điện

điện tử an toàn trên môi trường mạng.

Quy định về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử

Liên quan đến giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, Luật GDĐT 2005 quy định giá trị pháp lý của chữ ký điện tử khi đáp ứng 02 điều kiện: (i) Phương pháp tạo chữ ký điện tử cho phép xác minh được người ký và chứng tỏ được sự chấp thuận của người ký đối với nội dung thông điệp dữ liệu; (ii) Phương pháp đó là đủ tin cậy và phù hợp với mục đích mà theo đó thông điệp dữ liệu được tạo ra và gửi đi. Quy định này nhằm tạo nền tảng pháp lý triển khai giao dịch điện tử trên môi trường mạng, tuy nhiên vì Luật chưa quy định cụ thể về chữ ký an toàn, biện pháp, tiêu chuẩn bảo đảm chữ ký điện tử an toàn. Thêm nữa, còn thiếu quy định về cấp độ chữ ký điện tử, giá trị pháp lý theo từng cấp độ,... đã tạo rào cản trong việc xác định giá trị pháp lý của chữ ký điện tử để ứng dụng trên thực tế, đồng thời cũng gây khó khăn khi giao dịch có tranh chấp. Dự thảo Luật GDĐT đã khắc phục được những vấn đề nêu trên, thông qua việc bổ sung các quy định như:

- Bổ sung quy định về chữ ký điện tử an toàn, nguyên tắc sử dụng gắn liền với giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, theo đó, chữ ký điện tử sẽ có giá trị pháp lý nếu đáp ứng các điều kiện: (i) Cho phép xác định người ký; (ii) Đảm bảo nội dung thông điệp dữ liệu không bị thay đổi; (iii) Được tạo ra bằng phương tiện điện tử đảm bảo an toàn, được kiểm soát duy nhất của người ký tại thời điểm ký; (iv) Được chứng thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn.
- Bổ sung quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc công nhận giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và chứng thư điện tử; phân loại lại tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử thành tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử an toàn và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử chuyên dùng (kèm theo quy định về điều kiện và chứng nhận đủ điều kiện đối với từng tổ chức).

Thông qua nội dung nêu trên, có thể thấy rằng Dự thảo Luật GDĐT đã quy định chặt chẽ giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, đồng thời siết chặt quản lý các vấn đề liên quan. Điều này chính là cơ sở để đảm bảo hiệu quả ứng dụng, thi hành về chữ ký điện tử, điều kiện tiên quyết để triển khai giao dịch điện tử an toàn, thực hiện chuyển đổi số trong thời gian tới.

Quy định về hợp đồng điện tử

Dự thảo Luật GDĐT công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử căn cứ theo mức độ tin cậy của các thực thể trong hợp đồng điện tử và quá trình giao kết hợp đồng, bao gồm: (i) Chủ thể giao dịch (tài khoản giao dịch điện tử); (ii) Thông điệp dữ liệu hợp đồng; (iii) Chứng từ điện tử kèm theo hợp đồng (nếu có); (iv) Các thực thể khác gắn liền với hợp đồng điện tử và quá trình giao kết hợp đồng điện tử.

Bên cạnh đó, Dự thảo Luật GDĐT cũng quy định chi tiết nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử, các giai đoạn giao kết từ thông báo mời đề nghị, đề nghị, rà soát, xác nhận nội dung đến trả lời đề nghị, chấm dứt đề nghị giao kết; quy định về hợp đồng điện tử mẫu nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đồng thời quy định hợp đồng mẫu giữa người sử dụng với nhau trên các nền tảng phải hướng tới phương thức hòa giải/trọng tài trực tuyến.

Nhìn chung, Luật GDĐT 2005 và Dự thảo Luật GDĐT đều công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử là không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu. Tuy nhiên Dự thảo Luật GDĐT quy định rõ hơn về tiêu chí xác định giá trị pháp lý hợp đồng điện tử, cũng như các quy trình giao kết hợp đồng điện tử nhằm tạo cơ sở pháp lý, đảm bảo triển khai giao dịch điện tử an toàn, tin cậy, có giá trị pháp lý trên không gian mạng cũng như khuyến khích doanh nghiệp lựa chọn thiết lập hợp đồng điện tử cho các hành vi thương mại thay thế cho các phương thức giao dịch truyền thống khác.

Dịch vụ tin cậy và hỗ trợ giao dịch điện tử

Dịch vụ tin cậy và hỗ trợ giao dịch điện tử là nhóm quy định mới so với Luật GDĐT 2005, chi tiết tại Chương VI của Dự thảo, với 10 điều (Điều 40 - Điều 50), theo đó:

- Dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử (gọi tắt là dịch vụ tin cậy) là các dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ thực hiện thông qua môi trường mạng nhằm xác minh, chứng thực sự tin cậy trong giao dịch điện tử, bao gồm: (i) Dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử; (ii) Dịch vụ chứng thực (cấp dấu) thời gian; (iii) Dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu và chứng thư điện tử; (iv) Dịch vụ chứng thực giao dịch, giao kết và hợp đồng điện tử (Khoản 1 Điều 40 Dự thảo Luật GDĐT).
- Dịch vụ hỗ trợ giao dịch điện tử là các dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ thực hiện thông qua môi trường mạng nhằm hỗ trợ, thúc đẩy, tham gia thực hiện một phần hay toàn bộ quá trình giao

dịch điện tử (Khoản 2 Điều 40 Dự thảo Luật GDĐT).

- Dịch vụ tín nhiệm số là các dịch vụ do nhà cung cấp dịch vụ thực hiện nhằm đánh giá mức độ tin cậy của hệ thống giao dịch điện tử và cung cấp thông tin về độ tin cậy của các đối tượng trong giao dịch điện tử, bao gồm: (i) Dịch vụ đánh giá tín nhiệm hệ thống giao dịch điện tử; (ii) Dịch vụ thông tin xếp hạng tín nhiệm số (Khoản 3 Điều 40 Dự thảo Luật GDĐT).



Như đã biết, trong các hoạt động giao dịch điện tử hiện nay, các dịch vụ tin cậy đang là yếu tố quan trọng và xuyên suốt trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử. Nhà cung cấp dịch vụ tin cậy là đối tượng được ủy thác bởi các bên để thực hiện các hoạt động liên quan đến chứng thực độ tin cậy của các chứng từ và tác nghiệp liên quan trong suốt quá trình giao dịch điện tử. Tuy vậy, các dịch vụ tin cậy và các vấn đề liên quan chưa được quy định tại Luật GDĐT 2005, dẫn đến thiếu hành lang pháp lý để điều chỉnh các giao dịch điện tử, ảnh hưởng tới việc đảm bảo giá trị pháp lý của giao dịch điện tử. Do đó, Dự thảo Luật GDĐT đã bổ sung nhóm quy định mới về dịch vụ tin cậy để khắc phục điểm yếu về mặt kỹ thuật trong quy định của Luật GDĐT 2005, hỗ trợ các hoạt động giao dịch điện tử trở nên chuyên nghiệp hơn, phù hợp yêu cầu của thực tế.

An toàn, an ninh, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử

Bên cạnh việc kế thừa các quy định về an ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử tại Luật GDĐT 2005, Dự thảo Luật GDĐT sửa đổi, bổ sung những quy định còn thiếu liên quan tới an toàn, bảo vệ, bảo mật, giải quyết các yêu cầu phát sinh trong quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế xã hội và giao dịch điện tử trong bối cảnh an toàn, an ninh mạng phức tạp cũng như để phù hợp với Luật An toàn thông tin 2015 và Luật An ninh mạng 2018. Theo đó, Dự thảo Luật GDĐT bổ sung quy định về bảo đảm an toàn dữ liệu trong giao dịch điện tử tại Mục 1 về phân loại dữ liệu; trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông về bảo đảm an toàn dữ liệu; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân xử lý dữ liệu; trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian giao dịch điện tử; bảo đảm an toàn dữ liệu chuyển qua biên giới.

Tại Mục 2 về An toàn thông tin mạng và an ninh mạng trong giao dịch điện tử, Dự thảo Luật GDĐT bổ sung quy định về an toàn giao dịch điện tử, trong đó quy định một giao dịch điện tử an toàn khi đảm bảo tối thiểu các tiêu chí: (i) Có cung cấp xác thực lẫn nhau (xác thực khách hàng hoặc chủ thẻ và xác thực người bán); (ii) An toàn thanh toán và thông tin đơn hàng bằng các mã hóa thích hợp; (iii) Có khả năng chống lại việc sửa đổi thông điệp dữ liệu; (iv) Có khả năng tương tác và cơ chế đảm bảo an toàn. Bên cạnh đó, Dự thảo cũng bổ sung quy định về việc truy cập và sử dụng thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường số để đảm bảo cơ sở pháp lý bảo vệ an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp khi mà hầu hết các dịch vụ hành chính công được thực hiện trên các cổng thông tin điện tử theo kế hoạch chuyển đổi số của Chính phủ.

Việc bảo đảm an toàn, an ninh trong giao dịch điện tử, bảo vệ thông điệp dữ liệu điện tử, bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử đối với doanh nghiệp là vấn đề sống còn, ngoài những lợi ích mà giao dịch điện tử mang lại như tiết kiệm chi phí, thời gian thì cũng có những rủi ro nhất định như nguy cơ mất dữ liệu điện tử, giả mạo thông tin, chữ ký,... Do vậy, doanh nghiệp cần nắm rõ các quy định nêu trên đồng thời xây dựng các giải pháp để phòng ngừa rủi ro như sử dụng phần mềm có tính bảo mật, xây dựng hệ thống lưu trữ điện tử an toàn và có tổ chức, xây dựng quy trình thực hiện liên quan đến giao dịch điện tử trong nội bộ doanh nghiệp.

Hiện Dự thảo Luật đã mở rộng phạm vi áp dụng của hoạt động giao dịch điện tử đến tất cả các hoạt động của đời sống xã hội, từ hoạt động của cơ quan nhà nước cho đến hoạt động kinh tế, xã hội, dân sự, thương mại, tài chính, ngân hàng,... và có thể tiếp tục có những sửa đổi quan trọng khác. Doanh nghiệp cần lưu ý cập nhật thông tin và theo dõi thường xuyên tiến trình soạn thảo Dự thảo Luật GDĐT để đảm bảo các hoạt động và chính sách của doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật. Chúng tôi sẽ tiếp tục cập nhật những thay đổi khi Luật GDĐT (sửa đổi) chính thức có hiệu lực.